

Số: /QĐ-SYT

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược,
Giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, đợt 31 năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BYT ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc độc và nguyên liệu độc làm thuốc;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ Y tế quy định Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BYT ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Căn cứ Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ hồ sơ đánh giá Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;

Theo đề nghị của Đoàn đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược và Giấy chứng nhận đạt Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc đợt 31 năm 2024 cho 07 cơ sở theo danh sách gửi kèm.

Điều 2. Các cơ sở kinh doanh dược có tên tại Điều 1 phải thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật về dược có liên quan.

Điều 3. Trưởng phòng Nghiệp vụ, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc SYT;
- Các Phó Giám đốc SYT;
- Cục Quản lý thị trường;
- Phòng KHTC (đăng Website SYT);
- Lưu: VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thái

Phụ lục
DANH SÁCH CƠ SỞ KINH DOANH DƯỢC
ĐƯỢC CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DƯỢC, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT THỰC HÀNH TỐT CƠ SỞ BÁN LẺ THUỐC,
ĐỢT 31 NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT, ngày 30/8/2024 của Sở Y tế)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Số Chứng chỉ hành nghề dược	Ngày cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Số GCN ĐKKD D	Ngày cấp GCN ĐKKD DD	Số GCN GPP	Ngày cấp GCN GPP	Loại hình	Tên cơ sở	Địa chỉ kinh doanh		Hiệu lực của GPP	Ghi chú
1	Hoàng Thị Mỹ Hiền	22/7/1999	CNTHD	2344/CCHN-D-SYT-BRVT	19/5/2023	1453	30/8/2024	1298	30/8/2024	QT	Lộc Ngân	Số 191, Tổ 10, khu phố Phước Sơn, thị trấn Đất Đỏ	Đất Đỏ	04/9/2025	*
2	Nguyễn Thị Bích Mai	26/11/1993	DS	9171/CCHN-D-SYT-ĐNAI	24/6/2024	2411	30/8/2024	2256	30/8/2024	NT	Phương Mai	Tổ 6, ấp Bình Tiến, xã Bình Châu	Xuyên Mộc	29/8/2027	
3	Phạm Thị Màu	10/10/1989	DSCĐ	03521/CCHN-D-SYT-BTR	19/02/2021	2412	30/8/2024	2257	30/8/2024	QT	Minh Châu 68	01/6 Ấp Thạnh Sơn 3, xã Phước Tân	Xuyên Mộc	29/8/2027	
4	Ngô Thị Huyền Trang	13/9/1987	DS	673/BRVT-CCHND	04/8/2015	2413	30/8/2024	2258	30/8/2024	NT	Long Châu 1971	Số 155/7, ấp Nhân Tâm, xã Xuyên Mộc	Xuyên Mộc	29/8/2027	
5	Nguyễn Như Thảo Uyên	28/5/1983	DS	2172/CCHN-D-SYT-BRVT	15/6/2022	2414	30/8/2024	2259	30/8/2024	NT	An Phúc	Số 30 đường Huỳnh Minh Thạnh, khu phố Phước Hòa, thị trấn Phước Bửu	Xuyên Mộc	29/8/2027	
6	Nguyễn Xuân Vinh	07/10/1983	DSTC	1067/BRVT-CCHND	13/6/2016	2415	30/8/2024	2260	30/8/2024	QT	Dược Khang	Tổ 02, ấp Tân Xuân, xã Sơn Bình	Châu Đức	29/8/2027	
7	Nguyễn Thị Như Ý	30/4/1993	DSTC	908/BRVT-CCHND	09/3/2016	1408	30/8/2024	1253	30/8/2024	QT	Ý An	Số 88, Đường số 01, Tổ 17, ấp Bình Đức, xã Bình Ba	Châu Đức	05/6/2025	**
Tổng cộng: 07 cơ sở															

Ghi chú: (*): Hồ sơ điều chỉnh người phụ trách chuyên môn;

(**): Hồ sơ điều chỉnh tên cơ sở kinh doanh dược;

DS: Dược sĩ; DSCĐ: Dược sĩ cao đẳng; CNTHD: Cử nhân thực hành dược; DSTC: Dược sĩ trung cấp; NT: Nhà thuốc; QT: Quầy thuốc; GCN ĐKKDD: Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; GCN GPP: Giấy chứng nhận đạt thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.

- Phạm vi kinh doanh:

+ NT: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.

+ QT: Mua và bán lẻ thuốc bảo quản ở điều kiện thường thuộc Danh mục thuốc thiết yếu và Danh mục thuốc không kê đơn; không bao gồm vắc xin, thuốc thuộc Danh mục thuốc phải kiểm soát đặc biệt và Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ.

+ NT Long Châu 1971: Mua và bán lẻ thuốc, bao gồm cả thuốc bảo quản ở điều kiện 20C-80C, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc và thuốc có dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực: trừ vắc xin.